

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ
THEO MÔ HÌNH THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP
(Áp dụng từ K64 trở đi)**

(Ban hành theo Quyết định số 3222/QĐ-ĐHNT ngày 15/08/2025)

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung của Chương trình Luật Kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống, nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật, có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Pháp luật, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân. Cụ thể, sinh viên hoàn thành Chương trình Luật Kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp:

PO1: Có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện và chuyên sâu về pháp luật kinh doanh quốc tế, đặc biệt là về giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế.

PO2: Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật và sử dụng được các kỹ năng này để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

PO3: Sử dụng thành thạo tiếng Anh pháp lý trong các hoạt động nghề nghiệp, nhất là khi tư vấn và tham gia giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế.

PO4: Đảm nhận được những công việc đòi hỏi khả năng ứng biến với thay đổi trong môi trường kinh doanh quốc tế;

PO5: Có năng lực phát hiện và giải quyết tốt các vấn đề về pháp luật kinh doanh quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế;

PO6: Có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, chuyên nghiệp, có sức khỏe tốt, có ý thức phục vụ cộng đồng, nhân dân, có tư duy thiết kế và đổi mới sáng tạo, có năng lực khởi nghiệp và tạo việc làm cho mình, cho người khác và học tập suốt đời, học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp (chứng chỉ luật sư, luật sư thương mại quốc tế...), theo học các chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành luật kinh tế, luật thương mại, luật kinh doanh...

2. Chuẩn đầu ra

Về kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội và nhân văn trong học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.

PLO2: Áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về lĩnh vực pháp luật, bao gồm: Kiến thức về lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; các học thuyết chính trị - pháp lý; luật hiến pháp, quyền con người; nghề luật và đạo đức nghề luật; lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật làm nền tảng thực hành nghề luật.

PLO3: Tổng hợp được các kiến thức và thực tiễn pháp lý của nhóm kiến thức luật hành chính; nhóm kiến thức luật kinh tế; nhóm kiến thức luật quốc tế; nhóm kiến

thức luật dân sự; nhóm kiến thức luật hình sự và khối kiến thức chuyên ngành pháp luật kinh doanh quốc tế cũng như các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế đáp ứng yêu cầu thực tiễn hành nghề pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

Về kỹ năng

PLO4: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh quốc tế, bao gồm: phân tích, tóm tắt, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin, quy định pháp luật; phản biện, tư vấn, phát hiện và giải quyết vấn đề pháp lý; soạn thảo văn bản pháp lý.

PLO5: Có kỹ năng sử dụng thành thạo tiếng Anh (tương đương bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và có năng lực sử dụng tiếng Anh pháp lý trong học tập, nghiên cứu và hành nghề luật.

PLO 6: Có năng lực ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ học tập, nghiên cứu và hành nghề pháp lý; có năng lực tra cứu văn bản pháp luật và sử dụng công cụ số theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014

PLO7: Có kỹ năng giao tiếp và tương tác thân thiện, hiệu quả; có kỹ năng diễn đạt, thuyết trình, làm việc nhóm, làm việc độc lập, tổ chức công việc, quản lý thời gian và đánh giá kết quả trong quá trình học tập và làm việc.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO8: Trung thành với Tổ quốc, có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người; có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; Trung thực, liêm chính, cẩn trọng, cầu thị, thấu hiểu; có đạo đức nghề luật;

PLO9:

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm; sáng tạo; có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật; có khả năng thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi; Chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm; có khả năng hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; Chủ động học tập suốt đời, thích ứng với thay đổi, có tư duy phản biện, sáng tạo và định hướng phát triển nghề nghiệp bền vững.

3. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Học phần tiên quyết
1	Thành phần giáo dục đại cương		20	
1.1.	<i>Lý luận chính trị</i>		11	
1	Triết học Mác-Lênin (Marxist - Leninist philosophy)	TRIH114	3	Không

2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Marxist - Leninist political economy)	TRIH115	2	Không
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	TRIH116	2	TRIH114 TRIH115
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam)	TRIH117	2	TRIH114 TRIH115
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh ideology)	TRIH104	2	TRIH114 TRIH115
1.2	<i>Khoa học xã hội- nhân văn, Nghệ thuật, Toán-Tin học</i>		9	
1.2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		6	
6	Công nghệ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Digital Technology and AI Application)	TINE210	3	Không
7	Tư duy thiết kế và đổi mới sáng tạo (Design Thinking and Innovation)	DTIE100	3	Không
1.2.2	<i>Các học phần tự chọn Sinh viên lựa chọn 01 trong các học phần dưới đây</i>		3	
8	Văn hóa trong kinh doanh (Culture in Business)	KTEE325	3	Không
9	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	KTEE203	3	Không
10	Phát triển kỹ năng	PPHH101	3	Không
1.2.3	<i>Ngoại ngữ (Không tính vào tổng tín chỉ của chương trình)</i>			
	Tiếng Anh học thuật và thương mại 1 (Academic and Business English 1)	EBA111	3	Không
	Tiếng Anh học thuật và thương mại 2 (Academic and Business English 2)	EBA121	3	EBA111
Sinh viên được lựa chọn học ngoại ngữ thứ 2 của Chương trình đào tạo một trong các ngôn ngữ Trung/Nhật/Pháp/Tây Ban Nha. Sau khi hoàn thành các học phần ngoại ngữ 2 sinh viên đạt được mức 3/6 về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT. Kết quả học tập ngoại ngữ 2				

không tính vào điểm trung bình chung tích lũy, không phải là điều kiện để đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo. Kết quả học tập được ghi nhận kèm theo Chứng nhận học tập của sinh viên.				
1.3	<i>Giáo dục thể chất</i>			
	Giáo dục thể chất			
1.4	<i>Giáo dục quốc phòng, an ninh</i>			
	Giáo dục quốc phòng, an ninh			
2	Thành phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành		98	
2.1	<i>Thành phần cơ sở ngành</i>		19	
2.1.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>			
11	Lý luận Nhà nước và pháp luật (State and law theory)	PLUH103	4	TRIH114
12	V-LEX 1: Đa giác nghề luật (V-LEX 1: Introduction to legal profession)	PLUH125	3	Không
13	Tiếng Anh pháp lý 1 (Kỹ năng sử dụng thuật ngữ ngành Luật trong tiếng Anh) (Legal English 1 (Law professional English in use))	PLUE231	2	EBA121
14	Pháp luật dân sự I (Civil law I)	PLUH219	3	PLUH103
15	Luật hiến pháp (Constitutional law)	PLUH218	2	PLUH103
16	Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	PLUH112	2	PLUH103
2.1.2	<i>Các học phần tự chọn Sinh viên lựa chọn 01 trong các học phần dưới đây</i>		3	
17	Logic học và phương pháp nghiên cứu luật học (Logics and legal research method)	TRIH203	3	Không
18	Tâm lý học pháp luật (Legal psychology)	TLHH103	3	Không
19	Xã hội học đại cương (Sociology)	XHHH101	3	Không
2.2	<i>Thành phần cốt lõi ngành</i>		79	
2.2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		58	
20	Pháp luật dân sự II (Civil law II)	PLUH220	2	PLUH219

21	Xây dựng văn bản pháp luật (Drafting legal documents)	PLUH113	2	PLUH204
22	Pháp luật hành chính (Administrative law)	PLUH204	3	
23	Pháp luật hôn nhân và gia đình (Marriage and family law)	PLUH209	2	PLUH219
24	Pháp luật lao động (Labour law)	PLUH213	2	PLUH220
25	Pháp luật đất đai	PLUH235	2	
26	Pháp luật hình sự (Criminal law)	PLUH225	2	PLUH103
27	Pháp luật tố tụng hình sự (Criminal procedure law)	PLUH210	2	PLUH266
28	Tội phạm học (Criminology)	PLUH333	2	PLUH225
29	Pháp luật dân sự III (Civil law III)	PLUH231	2	PLUH210
30	Pháp luật tố tụng dân sự (Civil procedure law)	PLUH232	2	PLUH220
31	Pháp luật thương mại (commercial law)	PLUE217	2	PLUH220
32	Pháp luật doanh nghiệp (Law on Enterprises)	PLUE401	2	PLUE217
33	Công pháp quốc tế (Public International Law)	PLUE307	3	
34	Tư pháp quốc tế (International private law)	PLUH311	3	
35	Pháp luật sở hữu trí tuệ (Intellectual property law)	PLUE426	2	PLUH219
36	V-LEX 2: Diễn án (V-LEX 2: Moot)	PLUH222	2	PLUH211
37	Tiếng Anh pháp lý 2 (Kỹ năng viết pháp lý bằng tiếng Anh) (Legal English 2 (Legal writing in plain English))	PLUE232	2	PLUE231
38	Tiếng Anh pháp lý 3 (Nhập môn viết bằng tiếng Anh trong ngành Luật) (Legal English 3: Introduction to legal writing))	PLUE323	2	PLUE232
39	Hợp đồng kinh doanh quốc tế (International business contracts)	PLUE324	2	PLUH311

40	Giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng thương lượng và hòa giải (International commercial negotiation and mediation)	PLUE325	2	
41	Giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng trọng tài (International commercial arbitration)	PLUE425	2	
42	Pháp luật thương mại quốc tế (International trade law)	PLUE422	2	PLUE 307
43	Pháp luật đầu tư quốc tế (International investment law)	PLUE420	2	PLUE307
44	Tiếng Anh pháp lý 4 (Kỹ năng lập luận và viết pháp lý bằng tiếng Anh) (Legal English 4 (Legal reasoning and legal writing))	PLUE326	2	PLUE323
45	Tiếng Anh pháp lý 5 (Kỹ năng giải quyết tình huống và nghiên cứu bằng tiếng Anh) (Legal English 5 (Problem solving and research))	PLUE429	2	PLUE323
46	Pháp luật tài chính	PLUE236	2	PLUE267
2.2.2	Các học phần tự chọn		21	
a)	Kinh doanh: Sinh viên lựa chọn 03 trong các học phần dưới đây		9	
47	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	KTEE201	3	Không
48	Nguyên lý kế toán (Principles of accounting)	KETE201	3	Không
49	Quản trị học (Fundamentals of Management)	QTRE303	3	Không
50	Cơ sở dữ liệu	TINH313	3	Không
51	Lập trình cho phân tích dữ liệu và tính toán khoa học	TIN3H14	3	Không
52	Đàm phán và quản trị xung đột (Negotiations and conflicts management)	KDOE302	3	PLUH219
53	Giao dịch thương mại quốc tế (International commercial transaction)	TMAE302	3	PLUH219
54	Logistics và vận tải quốc tế (Logistics and international freight forwarding)	TMAE336	3	TMAE302

55	Thanh toán quốc tế (International payment)	TCHE412	3	PLUH219
b)	<i>Pháp luật: Sinh viên lựa chọn 04 trong số các học phần dưới đây</i>		12	
56	Kỹ thuật soạn thảo văn bản (Drafting Document skills)	PPHH104	3	PLUH204
57	Pháp luật hợp đồng so sánh (Comparative contracts law)	PLUH314	3	PLUH311
58	Pháp luật cạnh tranh (Competition law)	PLUE424	3	PLUE267
59	Tuân thủ pháp luật (Corporate compliance)	PLUE411	3	PLUH435
60	Pháp luật ngân hàng	PLUE335	3	...
61	Luật học so sánh (Comparative law)	PLUH233	3	
62	Học phần nâng cao về phân tích pháp lý (Advanced course on legal analysis)	PLUE328	3	PLUE232
63	Học phần nâng cao về ADR (Advanced course on ADR)	PLUE233	3	PLUE367
64	Mua lại và sáp nhập doanh nghiệp (Mergers and acquisitions)	PLUE329	2	PLUE435
65	Pháp luật hợp đồng các nước common law (Contract law in common law system)	PLUE330	2	PLUH311
66	Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (International investment dispute settlement)	PLUE331	2	PLUE437
67	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm (Insurance law)	PLUE454	2	PLUE267
68	Pháp luật điều chỉnh thương mại điện tử (Ecommercial law)	PLUE430	3	PLUE267
69	Pháp luật hải quan (Customs law)	PLUE404	2	PLUE267
70	Pháp luật về thuế (Taxation law)	PLUE416	2	PLUE267
71	Tập quán thương mại quốc tế (International commercial practise)	PLUE432	3	PLUH311

72	Hợp đồng xây dựng quốc tế (International construction law)	PLUE433	3	PLUE217
73	Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (1980 Vienna Convention on contracts for international sale of goods)	PLUE434	3	PLUH311
74	V-LEX 3 Plus: Diễn án giả định quốc tế (V-LEX 3 Plus: International moot court)	PLUE332	3	PLUH268
75	Pháp luật trong hoạt động khởi nghiệp sáng tạo (Law for startups and innovative entrepreneurship)	PLUE442	3	PLUE401
76	Luật thuế quốc tế (International Taxation Law)	PLUE336	3	
77	Pháp luật môi trường	PLUH334	3	
3	Thành phần thực tập và trải nghiệm		12	
	<i>Thực tập giữa khóa</i>		3	
78	V-LEX 3: Thực tập tư vấn luật (V-LEX 3: Legal consultancy intership)	PLUH327	3	
4	<i>Học phần tốt nghiệp</i>		9	
79	V-LEX 4: Dự án tốt nghiệp (V-LEX 4: Graduation project)	PLUH522	9	

**** Sinh viên được lựa chọn học ngoại ngữ thứ 2 của Chương trình đào tạo (lựa chọn một trong các ngôn ngữ Anh/ Trung/Nhật/Pháp/ Tây Ban Nha). Sau khi hoàn thành các học phần ngoại ngữ 2 sinh viên đạt được mức 3/6 về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT. Kết quả học tập ngoại ngữ 2 không tính vào điểm trung bình chung tích lũy, không phải là điều kiện để đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Kết quả học tập được ghi nhận kèm theo Chứng nhận học tập của sinh viên.**